

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 7

Phẩm 19: PHÁP SỐ TRỢ BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là Đà-la-ni của Bồ-tát Ma-ha-tát? Đà-la-ni có bốn thứ: Một là pháp Đà-la-ni. Hai là nghĩa Đà-la-ni. Ba là lời Đà-la-ni. Bốn là nhãn Đà-la-ni.

Pháp Đà-la-ni tức là tâm Bồ-tát đạt được sự nhớ nghĩ, do niệm lực nên được đại trí tuệ, do lực của đại trí tuệ nên biết các pháp giới, ngôn từ câu chữ, kiên tâm thọ trì, trải qua vô lượng đời không có quên mất.

Nghĩa Đà-la-ni tức là như pháp Đà-la-ni, tùy thuận giải nghĩa, ở trong vô lượng đời thọ trì không quên.

Lời Đà-la-ni tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì phá trừ các ác của chúng sinh, nên thọ trì thần chú, đọc tụng thông lợi, đem lại lợi ích cho chúng sinh. Vì chú thuật nên thọ trì năm pháp: Một là không ăn thịt. Hai là không uống rượu. Ba là không ăn năm thứ cay nồng. Bốn là không dâm dục. Năm là không ở trong nhà bất tịnh mà ăn uống. Bồ-tát đầy đủ năm thứ như vậy, có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh, các quỷ thần ác, các độc, các bệnh, không gì mà không trị được.

Nhãn Đà-la-ni tức là Bồ-tát Ma-ha-tát do lực của trí tuệ, tâm ưa vắng lặng, không cùng mọi người ở chung, im lặng không nói, ở một mình không có bạn, ăn uống biết đủ, tọa thiền tư duy đêm không ngủ nghỉ. Bấy giờ Phật liền dùng chú Đà-la-ni dạy cho khiến tụng: Ất trí, mật trí, ký trí tỳ, sẵn đề, bát đàn na, sa ha.

Lúc ấy, Bồ-tát thọ nhận từ Phật rồi, thân tâm quán sát biết chữ không có nghĩa, do vô nghĩa nên không có nghĩa ngữ, nếu không có nghĩa ngữ thì lời cũng vô nghĩa, pháp cũng vô nghĩa, do vô nghĩa nên

tất cả pháp đều không thể diễn nói. Nghĩa tức là nghĩa của tất cả các pháp vô nghĩa. Do nhãn lực nên có thể biết rõ bốn thứ Đà-la-ni. Do biết rõ nên được đầy đủ nhãn Đà-la-ni, do đầy đủ nhãn Đà-la-ni nên không lâu sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát vào a-tăng-kỳ kiếp thứ nhất lúc tu tập hạnh, đắc hai Đà-la-ni là pháp và nghĩa, nhân nơi pháp và nghĩa Đà-la-ni ấy mà tu tập Tam-muội.

Nhân tu tập Tam-muội phát thệ nguyện, nên được hai Đà-la-ni là lời và nhãn. Bồ-tát nếu có thể tu tập bốn việc đắc bốn thứ Đà-la-ni: Một là không tham năm dục. Hai là không sinh tâm đố kỵ đối với chúng sinh. Ba là có thể bố thí bố thí rồi không hối hận. Bốn là ưa nghe chánh pháp, thọ trì đọc tụng, biên chép giải nói pháp tạng Bồ-tát. Bồ-tát phát đại thệ nguyện gồm có năm thứ: Một là phát tâm phát nguyện. Hai là có phát nguyện. Ba là hành phát nguyện. Bốn là thiện phát nguyện. Năm là đại phát nguyện.

Lúc ban đầu phát tâm Bồ-đề gọi là phát tâm phát nguyện. Vì lợi ích cho chúng sinh sinh nơi cõi trời người, nên gọi là có phát nguyện. Vì chúng sinh mà tu vô lượng tâm nên gọi là hành phát nguyện. Tu tập tất cả pháp thiện của Bồ-tát gọi là thiện phát nguyện, không tiếc thân mạng, hộ trì chánh pháp gọi là đại phát nguyện. Bồ-tát nếu dùng mười thứ cúng dường Phật Pháp Tăng bảo, hộ trì chánh pháp, thấy người trì pháp thì cung kính cúng dường. Đây gọi là đại thệ nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát sinh nơi cõi trời Đâu suất cho đến Đại Niết-bàn. Đây gọi là đại thệ nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát từ ban đầu phát tâm cho đến chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là đại thệ nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát vì độ chúng sinh mà có mặt khắp các cõi, tùy loại thọ thân. Đây gọi là đại thệ nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát thường dùng Bồ-tát pháp tạng, Bồ-tát luận tạng Đại thừa để giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là đại thệ nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát phạm có diễn thuyết đều vì lợi ích, người không có thiện căn khiến được sinh thiện căn. Đây gọi là đại thệ nguyện.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát tu Tam-muội Không? Bồ-tát quán sâu về tánh của tất cả các pháp có thể thuyết. Tánh có thể thuyết này không có ở trong tánh không thể thuyết giảng cho nên gọi là Tam-muội Không.

Thế nào gọi là Tam-muội vô nguyện? Bồ-tát Ma-ha-tát do tất cả pháp có thể tuyên thuyết nên có ngã và ngã sở. Có ngã và ngã sở nên gọi là khổ. Bồ-tát Ma-ha-tát phá bỏ tướng tà, biết tất cả pháp không thể tuyên thuyết, cho nên không chấp trước nơi ngã và ngã sở, không có ngã và ngã sở nên không nguyện cầu, vì thế gọi là Tam-muội vô

nguyện.

Thế nào gọi là Tam-muội vô tướng? Bồ-tát Ma-ha-tát biết tất cả pháp là không thể tuyên thuyết. Do không thể tuyên thuyết nên không có tướng của tất cả phiến não. Vì không có tướng nên gọi là tịch tĩnh. Vì tu tập tịch tĩnh nên gọi là Tam-muội vô tướng.

Tại sao Như Lai thuyết ba Tam-muội? Tất cả các pháp gồm có hai thứ: Một là có của hữu vi. Hai là có của vô vi. Có của hữu vi nghĩa là ngã và ngã sở. Có của vô vi nghĩa là Niết-bàn. Có của hữu vi tức là Bồ-tát Ma-ha-tát quán tất cả khổ, không sinh nguyện cầu. Đây gọi là Tam-muội vô nguyện. Có của vô vi tức là Niết-bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong Niết-bàn không sinh tưởng vui. Đây gọi là Tam-muội vô tướng. Vô vi là cũng có cũng không, nên Bồ-tát chẳng phải nguyện, chẳng phải không nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy có có, thấy không không, trong có thì không không, trong không thì không có. Đây gọi là Không. Bồ-tát lúc ấy tu Tam-muội Không, được trí chân thật. Tam-muội như vậy Thanh văn, Duyên giác cũng tu cũng học, mà không thể thuyết, tất cả các pháp không thể tuyên thuyết. Chư Phật Bồ-tát vì khiến cho chúng sinh được tịch tĩnh nên thuyết giảng bốn pháp này. Tất cả các pháp hữu vi là vô thường, khổ, không, vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh, chư Phật Bồ-tát vì các chúng sinh mà thuyết giảng bốn pháp này, phải biết là đã thuyết giảng về tất cả pháp giới, các pháp căn bản. Đây gọi là Ưu Đà na. Ưu Đà na nghĩa là thời quá khứ vô lượng tất cả Phật cũng nói như vậy, có thể tăng trưởng pháp thiện, gọi là Ưu Đà na.

Tại sao Bồ-tát thấy pháp hữu vi đều là vô thường? Bồ-tát Ma-ha-tát biết pháp hữu vi có thể thuyết về vô thường, cho nên tất cả hữu vi là vô thường. Biết các pháp tánh trong nghĩa chân thật, không có nhân quả, nên không thể tuyên thuyết, vì thế tác tướng nói tất cả pháp đều là sinh diệt. Vì hữu vi của quá khứ cũng sinh cũng diệt nên pháp của quá khứ không thấy có nhân, không thấy có tánh. Do không thấy nhân và tánh nên nói pháp của quá khứ đều là vô thường. Pháp hiện tại biết sinh mà không biết diệt. Pháp của hiện tại không thấy nhân mà thấy quả, thấy tánh. Do không diệt nên biết tánh không biết nhân. Pháp hữu vi vị lai không thấy sinh diệt, cho nên biết nhân, không biết quả, không biết tánh. Do chưa sinh nên Bồ-tát biết nhân mà không biết tánh.

Bấy giờ quán sát ba đời, trong mỗi mỗi niệm có ba tướng, nếu qua một niệm thì có bốn tướng. Pháp trước đã diệt, lần lượt sinh ra pháp tương tự. Đây gọi là sinh. Sinh rồi làm việc, đây gọi là trụ. Trước diệt pháp tướng, pháp diệt rồi thấy tương tự, đây gọi là già. Sinh rồi không

trụ đến nơi hai niệm, đây gọi là hoại. Bồ-tát thấy một thứ pháp tướng hữu vi, như sinh, trụ, lão, cũng lại như vậy, chỉ có tướng hoại là khác. Vì sao? Vì không cùng ba tướng kia trụ. Như vậy bốn tướng thấy có hai thứ: Một là có. Hai là không. Có là ba tướng, không là tướng thứ tư. Bồ-tát thấy pháp hữu vi, không thấy sinh, không thấy trụ, không thấy già, không thấy hoại. Vì sao? Vì sinh, trụ, già, hoại, không có tánh chân thật. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy sắc pháp sinh, sắc pháp trụ, sắc pháp già, sắc pháp hoại, không thấy sinh, trụ, già, hoại. Bồ-tát Ma-ha-tát do phương tiện quán, nên không thấy bốn tướng. Phương tiện quán tức là Bồ-tát quán. Nếu lìa sắc pháp riêng có sinh, thì lúc sắc pháp sinh, sinh cũng nên sinh. Nếu như vậy thì tất cả các pháp đều nên có hai thứ sinh: Một là sắc sinh. Hai là sinh sinh. Hai thứ sinh như vậy hoặc tức là pháp, hoặc lìa pháp. Nếu không lìa thì không có sinh. Nếu nói lìa pháp riêng có sinh, nghĩa này không đúng. Nếu không lìa thì lúc ấy sắc không có sinh, do nhân duyên sinh nên sinh, trụ, già, hoại cũng như vậy. Nếu hoại tự tánh có, phải biết hoại này cũng sinh cũng hoại. Nếu hoại sinh, nên biết tất cả pháp hữu vi đều không có diệt. Lúc nhập định diệt, tâm tâm số pháp thường nên sinh trở lại, lúc sắc pháp diệt cũng nên sinh lại. Vì sao? Vì hoại này sinh, nên các pháp đều là thường, vì Bồ-tát lìa sắc pháp rồi không thấy bốn tướng, biết tánh của pháp hữu vi là vô thường, nên cũng thường tuyên thuyết hữu vi là vô thường. Bồ-tát quán thấy pháp hữu vi có ba thứ khổ, đó là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ, cho nên Đức Như Lai nói pháp hữu vi tất cả là khổ.

Tại sao Bồ-tát thấy pháp hữu vi là vô ngã? Vô ngã có hai thứ: Một là chúng sinh vô ngã. Hai là pháp vô ngã. Chúng sinh vô ngã tức chúng sinh chẳng phải là pháp có, chẳng phải là pháp không, chẳng phải là pháp lìa có, không. Đây gọi là chúng sinh vô ngã. Pháp vô ngã tức là tất cả các pháp có thể tuyên thuyết, tánh có thể tuyên thuyết là không, cho nên gọi là pháp vô ngã. Có hai thứ vô ngã như vậy, vì thế Như Lai nói tất cả pháp hữu vi là vô ngã. Như vậy hữu vi đoạn nhân hiện tại, làm chướng ngại nhân vị lai. Đây gọi là Niết-bàn, do không có phiền não kết nên gọi là tịch tĩnh.

Nếu Bồ-tát dùng tâm bất tịnh quán về Niết-bàn, hàng Thanh văn chưa được đạo quả mà quán về Niết-bàn thì đây đều là chưa thật biết tánh của Niết-bàn, cũng như tướng của Niết-bàn. Ví như đại vương vì các người con mà làm voi, ngựa, nai, thỏ, bằng gỗ, các con cũng đối với các tượng giả này tưởng là chân thật. Có lúc vua khen ngợi voi ngựa này, các con cũng khen voi ngựa mình, sau đó ra khỏi nhà và thấy voi

ngựa thật liền sinh tâm xấu hổ, nghĩ: Tại sao chúng ta đối với voi ngựa giả này mà tưởng là chân thật? Tại sao đối với vật đồng tên đồng tướng này mà tưởng là thật. Như Lai cũng nói, tâm Bồ-tát không thanh tịnh, Thanh văn chưa chứng đạo quả, ở trong nhà sinh tử, Như Lai vì họ mà thuyết giảng Niết-bàn tịch tĩnh, Bồ-tát, Thanh văn nghe rồi cũng sinh ý tưởng là Niết-bàn chân thật, nhưng thật không thể biết Niết-bàn chân thật. Lúc nghe Phật nói, sinh tâm tác tướng nói là Niết-bàn, sau khi tu tập tám chánh đạo rồi, được trí tuệ thanh tịnh, ra khỏi nhà sinh tử, lúc ấy mới thật biết tánh của Niết-bàn và sinh tâm xấu hổ, nghĩ: Tại sao chúng ta đối với chỗ không phải Niết-bàn mà sinh ý tưởng Niết-bàn. Ví như người bệnh đến chỗ thầy thuốc, bấy giờ thầy thuốc vì chữa bệnh nên tùy bệnh cho thuốc, người bệnh được thuốc tâm sinh hoan hỷ, nghĩ tưởng thuốc này là hay nhất và liền uống vào, sau khi uống rồi tuy đã lành nhưng lại phát sinh bệnh khác. Bấy giờ thầy thuốc bỏ thuốc cũ, ban cho thuốc khác, người bệnh nói: Đại sư! Thuốc trước kia là tốt, có thể trị bệnh, chẳng phải là thuốc này, tuy thầy thuốc nói đây là thuốc tốt, mà người bệnh vẫn không chịu tin. Bấy giờ người bệnh uống thuốc bệnh lành, mới chịu tin và sinh tâm xấu hổ. Lúc Phật thuyết pháp cũng lại như vậy, chúng sinh nghe rồi trừ được ít phiền não, liền sinh ý tưởng là chân thật, sau đó lại khởi phiền não nói Phật là vô thường, Như Lai vì họ mà thuyết pháp thâm diệu, tuy nghe mà vẫn không sinh tin, lấy pháp trước kia làm thật. Nếu Bồ-tát được đạo thanh tịnh, lúc ấy mới sinh tâm xấu hổ, biết Như Lai là thường, tại sao ta nói Như Lai là vô thường, cho nên Như Lai nói tất cả pháp hữu vi là vô thường, khổ, vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh.
